

Số: 8411 /PA-UBND

Mỹ Thời, ngày 30 tháng 7 năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

**Về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với
bà Trần Thị Xuân (Đại diện) khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện
dự án đầu tư xây dựng Phát triển kết cấu hạ tầng khu
công nghiệp Vàm Cống, tỉnh An Giang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/07/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 890/QĐ-TTg ngày 25/7/2022 của Thủ tướng Chính Phủ quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư Phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Vàm Cống;

Căn cứ Quyết định số 56/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc Phân cấp thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 57/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 8384/QĐ-UBND ngày 30/7/2026 của UBND phường Mỹ Thời về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để đầu tư dự án Phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Vàm Cống (Đợt 4);

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường tại Tờ trình số 802/TTr-PKTHĐT ngày 24/7/2026.

1. Thông tin người có đất, tài sản thu hồi:

- **Bà Trần Thị Xuân (Đại diện):** Sinh năm 1961, số CCCD 089161004355.

- Địa chỉ thường trú: ấp An Thạnh, xã Hội An, tỉnh An Giang.

- Phương án số: 27.

2. Thông tin về đất đai:

- Vị trí thửa đất thu hồi: Khu vực Sông Hậu – Hết Đường tránh TP Long Xuyên (trong Tuyến tránh)

- Diện tích: 9.347,00 m².

- Số tờ: 80,84, số thửa 29, 146, 147.

- Loại đất thu hồi: LUC.

- Nguồn gốc thửa đất: Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy số CH00654 do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 04/11/2010, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy số CH06830 do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 14/3/2016 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy số CH06831 do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 14/3/2016.

3. Loại tài sản:

3.1. Về đất đai:

Loại đất	Diện tích (m²)
Đất LUC	6.201,00
Đất LUC	2.401,00
Đất LUC	745,00
Tổng	9.347,00

3.2. Loại tài sản trên đất (cây trồng, vật nuôi/công trình xây dựng, nhà)

Hạng mục	Đơn vị	Diện tích - khối lượng
Xoài	cây	27,00
Mít	cây	15,00
Dừa	cây	14,00
Dừa	cây	16,00
Sao	cây	2,00
Bưởi	cây	1,00
Gáo	cây	10,00
Chà là	cây	3,00
Tràm bông vàng	cây	5,00
Cà na	cây	9,00
Trâm	cây	1,00
Ồi	cây	1,00
Mận	cây	2,00
Me	cây	1,00
Mai vàng	cây	10,00
Hạnh	cây	1,00
Tre gai	cây	37,00
Tre gai	cây	27,00
Vú sữa	cây	1,00
Xanh	cây	1,00

Hạng mục	Đơn vị	Diện tích - khối lượng
Chuối	cây	11,00
Chuối	cây	32,00
Chuối	cây	27,00
Tổng		

3.3. Về hạng mục nhà, nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc xây dựng trên đất:

Hạng mục	Đơn vị	Diện tích - khối lượng
Nhà	m ²	35,04
Nhà mộ 1	m ²	35,00
Nhà mộ 2	m ²	13,02
Mộ gạch xây	cái	4,00
Mái che	m ²	11,15
Tổng		

4. Các khoản Bồi thường (4.1+4.2+4.3): 6.235.229.938 đồng.

4.1. Bồi thường đất đai:

Loại đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá bồi thường (đồng)	Thành tiền bồi thường (đồng)
Đất LUC	6.201,00	627.030	3.888.213.030
Đất LUC	2.401,00	627.030	1.505.499.030
Đất LUC	745,00	627.030	467.137.350
Tổng			5.860.849.410

4.2. Kinh phí bồi thường cây trồng:

Loại cây	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
Xoài	27,00	4.240.000	114.480.000
Mít	15,00	2.236.000	33.540.000
Dừa	14,00	1.708.000	23.912.000
Dừa	16,00	1.122.000	17.952.000
Sao	2,00	2.400.000	4.800.000
Bưởi	1,00	1.713.000	1.713.000
Gáo	10,00	600.000	6.000.000
Chà là	3,00	600.000	1.800.000
Tràm bông vàng	5,00	1.200.000	6.000.000
Cà na	9,00	1.007.000	9.063.000
Trâm	1,00	4.000.000	4.000.000
Ồi	1,00	571.000	571.000
Mận	2,00	1.713.000	3.426.000
Me	1,00	2.200.000	2.200.000

Loại cây	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
Mai vàng	10,00	390.000	3.900.000
Hạnh	1,00	500.000	500.000
Tre gai	37,00	120.000	4.440.000
Tre gai	27,00	72.000	1.944.000
Vú sữa	1,00	2.236.000	2.236.000
Xanh	1,00	600.000	600.000
Chuối	11,00	132.000	1.452.000
Chuối	32,00	76.000	2.432.000
Chuối	27,00	34.000	918.000
Tổng			247.879.000

4.3. Kinh phí bồi thường vật kiến trúc:

Hạng mục	Diện tích/ khối lượng	Đơn giá (đồng)		Thành tiền (đồng)
Nhà	35,04	2.038.000	50%	35.705.760
Nhà mộ 1	35,00	1.619.000	60%	33.999.000
Nhà mộ 2	13,02	1.619.000	60%	12.647.628
Mộ gạch xây	4,00	10.191.000	100%	40.764.000
Mái che	11,15	506.000	60%	3.385.140
Tổng				126.501.528

5. Các khoản hỗ trợ và hỗ trợ khác (5.1+5.2+5.3+5.4+5.6+5.7):
6.825.493.000 đồng.

5.1. Hỗ trợ ổn định đời sống: 11.530.000

Loại hỗ trợ	Số khẩu	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Di ễn giải
Hỗ trợ ổn định đời sống		01	1.530.000	1.530.000	
Chi phí di chuyển		01	10.000.000	10.000.000	
Tổng				11.530.000	

5.2. Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh: Không có.

5.3. Hỗ trợ di dời vật nuôi: Không có.

5.4. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Loại đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá hỗ trợ (đồng)	Thành tiền (đồng)	Diễn giải
Đất LUC	9.347,00	729.000	6.813.963.000	
Tổng cộng			6.813.963.000	

5.5. Hỗ trợ tái định cư: Không có.

5.6. Bồi thường, hỗ trợ tháo dỡ, phá dỡ, di dời: Không có.

5.7. Các khoản hỗ trợ khác: Không có.

Loại hỗ trợ	Diện tích - Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
Tổng			

6. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (4 + 5): **13.060.722.938 đồng**
(Mười ba tỷ, không trăm sáu mươi triệu, bảy trăm hai mươi hai ngàn, chín trăm ba mươi tám đồng).

7. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): không có.

8. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng đất với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): không có.

9. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): không có.

10. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất (nếu có): không có

11. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): không có.

12. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): không có.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường, Trưởng phòng Văn hoá - Xã hội phường, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường, Giám đốc Phòng Giao dịch Số 6 Kho bạc Nhà nước Khu vực XX, Trưởng Thuế Cơ sở 7 tỉnh An Giang, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực liên xã, phường Long Xuyên, người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành phương án này. /

Nơi nhận:

- Sở NN và MT AG;
- Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh;
- Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T;
- TT. Đảng ủy – HĐND;
- CT và PCT phường;
- Trang TTĐT phường;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Thành Nhơn